TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 265/2024/DS-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Võ Thị Kiều Loan.

2. Bà: Trần Thị Đổi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 269/2024/QĐ-HPT ngày 13/8/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Thái Xuân M, sinh năm 1996;
Địa chỉ: 3, Hồ Thị K, Phường A, Quận A, Tp ..
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1975;
Địa chỉ liên lạc: số B, N, phường A, T, Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Tuấn K1, sinh năm 1992;
Địa chỉ: H, khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.
(Ông Ú có mặt, ông K1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa bà Thái Xuân M và ông Trần Tuấn K1 có quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 16/5/2022, bà M ông cho ông K1 vay số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Việc vay tiền hai bên có lập thành biên bản nhưng từ khi vay tiền cho đến nay ông K1 không trả được khoản tiền lãi, nợ gốc nào cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông K1 phải hoàn trả số nợ gốc 450.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất từ ngày 16 tháng 5 năm 2022 cho đến nay, với mức lãi suất 1%/tháng.

Đối với ông Trần Tuấn K1, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K1 nhưng ông K1 vẫn vắng mặt, không ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng,*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*,

Về quan hệ tranh chấp: Bà Thái Xuân M tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Tuấn K1. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Ông K1 hiện đang cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thời hiệu khởi kiện còn trong hạn luật định.

[1.2]. *Về xét xử vắng mặt*,

Ông Trần Tuấn K1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về pháp luật áp dụng*: Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*:

Qua tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp, lời trình bày của đương sự.

Thấy rằng, giữa bà M và ông K1 có quan hệ quen biết, vào ngày 16/5/2022 bà M có cho ông K1 vay số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng từ khi vay tiền cho đến nay ông K1 không thanh toán được bất kỳ khoản tiền lãi suất và phần nợ gốc nào.

Đối với ông Trần Tuấn K1, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông K1 không ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không xuất trình,

giao nộp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, tiền lãi suất cho nguyên đơn.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Tuấn K1 phải trả số nợ gốc 450.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tuy hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng từ khi vay tiền cho đến nay ông K1 không thanh toán khoản tiền lãi nào. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông K1 còn phải thanh toán khoản tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 17/5/2022 đến ngày 21/8/2024 là 27 tháng 04 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi làm tròn là 27 tháng, phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể mức lãi suất được tính như sau: nợ gốc 450.000.000 đồng x 1%/tháng x 27 tháng = 121.500.000 đồng.

Như vậy, tổng nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh mà ông Trần Tuấn K1 phải trả cho bà Thái Xuân M là 450.000.000 đồng + 121..500.000 đồng = 571.500.000 đồng.

Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 để sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Xuân M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Tuấn K1.

Buộc ông Trần Tuấn K1 phải thanh toán cho bà Thái Xuân M số nợ gốc 450.000.000 đồng + nợ lãi 121.500.000 đồng, tổng cộng là 571.500.000 đồng (Năm trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Tuấn K1 phải nộp 28.550.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

H lại tiền tạm ứng án phí cho bà Thái Xuân M đã nộp là 11.810.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0615 ngày 25/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Thức